

**Công ty Cổ phần Chứng khoán
Phương Đông**

Báo cáo tài chính

Ngày 31 tháng 12 năm 2015



Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 - 11
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	12
Thuyết minh báo cáo tài chính	13 - 44

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005822 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 28 tháng 12 năm 2006, Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 49/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp vào ngày 29 tháng 12 năm 2006 và theo các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh sau:

<u>Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh số</u>	<u>Ngày</u>	<u>Nội dung thay đổi</u>
72/UBCK-GPĐCCTCK	06/09/2007	Tăng vốn điều lệ từ 60 tỷ đồng lên 120 tỷ đồng
100/UBCK-GPĐCCTCK	28/12/2007	Tăng vốn điều lệ từ 120 tỷ đồng lên 240 tỷ đồng
30/GPĐC-UBCK	14/11/2014	Thay đổi người đại diện pháp luật là ông Phan Vũ Tuấn
46/GPĐC-UBCK	20/10/2015	Dời trụ sở chính về Tầng 14, tòa nhà Green Power, số 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại tầng 14, tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty không có chi nhánh và phòng giao dịch.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng quản trị trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Phan Vũ Tuấn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 9 năm 2014
Ông Lâm Đạo Thảo	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 5 năm 2011
Ông Võ Quang Long	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 5 năm 2011
Ông Diệp Trí Minh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 7 năm 2014

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Nguyễn Văn Phẩm	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 5 năm 2011
Ông Phạm Đức Duy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2013

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/từ nhiệm</u>
Ông Nguyễn Trát Minh Phương	Quyền Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2015
Ông Diệp Trí Minh	Tổng Giám đốc	Từ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2015
Ông Cao Thanh Định	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2015

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính là Ông Phan Vũ Tuấn, Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Ông Nguyễn Trát Minh Phương được Ông Phan Vũ Tuấn ủy quyền ký báo cáo tài chính kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 theo Giấy Ủy quyền số 26/2015/QĐ-HĐQT ngày 15 tháng 7 năm 2015.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu của Công ty. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

Nguyễn Trát Minh Phương
Quyền Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Ngày 30 tháng 3 năm 2016



Ernst & Young Vietnam Limited
28th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252
Fax: +84 8 3824 5250
ey.com

**Building a better
working world**

Số tham chiếu: 61240646/18182178

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông (“Công ty”), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2016 và được trình bày từ trang 6 đến trang 44, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định, hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Building a better
working world

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề nhấn mạnh

Chúng tôi không đưa ra ý kiến loại trừ nhưng lưu ý người đọc đến *Thuyết minh số 4 – Tiền và các khoản tương đương tiền*. Theo đó, Công ty có một số khoản tiền gửi đã quá hạn thanh toán là 380 tỷ đồng tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam từ năm 2011. Các khoản tiền gửi này có liên quan đến vụ án Huỳnh Thị Huyền Như mà Ngân hàng TMCP Tiên Phong đã thực hiện gửi tiền tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam thông qua Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông, hiện đang được cơ quan chức năng điều tra, truy tố và xét xử lại. Ngày 7 tháng 1 năm 2015, Tòa án Nhân dân Tối cao đã tuyên Bản án Hình sự Phúc thẩm, theo đó, Hội đồng xét xử đã nhận định và đánh giá "Hành vi phạm tội của bị cáo Như có dấu hiệu của tội Tham ô tài sản" và hủy một phần bản án hình sự sơ thẩm đã xử bị cáo Huỳnh Thị Huyền Như tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông và giao hồ sơ vụ án cho Viện Kiểm soát nhân dân tối cao để chuyển cơ quan điều tra Bộ Công An điều tra, truy tố xét xử lại. Theo các quy định của pháp luật hình sự và tổ tụng hình sự đối với một vụ án đã được điều tra lại, việc xác định trách nhiệm và nghĩa vụ pháp lý của các bên liên quan chỉ được thực hiện khi vụ án đã được xét xử, có phán quyết cụ thể và bản án có hiệu lực. Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty đang chờ các bước điều tra, xét xử tiếp theo liên quan đến vụ án. Do đó, Công ty chưa tiến hành trích lập dự phòng cho các khoản tiền gửi này và tùy theo sự nhìn nhận của các bên liên quan mà sự việc này có thể làm ảnh hưởng đến một số chỉ tiêu trên các báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính đó vào ngày 4 tháng 3 năm 2015.



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Nguyễn Xuân Đại
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0452-2013-004-1

Nguyễn Quốc Tuấn
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1841-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2016

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

B01-CTCK

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm (Trình bày lại - Thuyết minh số 30) VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		464.464.619.464	462.029.985.285
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	417.532.648.157	408.740.943.430
111	1. Tiền		16.532.648.157	8.718.123.986
112	2. Tương đương tiền		401.000.000.000	400.022.819.444
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	6	39.677.688.869	44.457.886.589
121	1. Đầu tư ngắn hạn		40.170.937.617	45.641.972.753
122	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(493.248.748)	(1.184.086.164)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	7	6.938.062.163	8.457.939.046
132	1. Trả trước cho người bán ngắn hạn		324.711.176	32.890.000
135	2. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		5.197.170.021	3.329.392.770
138	3. Phải thu ngắn hạn khác		45.617.516.990	87.443.651.332
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(44.201.336.024)	(82.347.995.056)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		316.220.275	373.216.220
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	153.880.575	198.611.220
155	2. Tài sản ngắn hạn khác	9	162.339.700	174.605.000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		20.169.942.150	29.246.893.880
220	I. Tài sản cố định		2.029.878.521	2.955.124.493
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	1.267.763.321	1.166.520.328
222	- Nguyên giá		4.871.484.295	7.213.042.288
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.603.720.974)	(6.046.521.960)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	762.115.200	1.788.604.165
228	- Nguyên giá		7.013.017.564	7.488.985.064
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(6.250.902.364)	(5.700.380.899)
250	II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	6	12.100.000.000	22.785.747.201
253	1. Đầu tư chứng khoán dài hạn		16.130.000.000	68.562.171.856
254	- Chứng khoán sẵn sàng để bán		16.130.000.000	68.562.171.856
259	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(4.030.000.000)	(45.776.424.655)
260	III. Tài sản dài hạn khác		6.040.063.629	3.506.022.186
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	1.863.680.956	40.184.092
263	2. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	13	3.567.525.113	3.373.838.094
268	3. Tài sản dài hạn khác	14	608.857.560	92.000.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		484.634.561.614	491.276.879.165

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

B01-CTCK

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm (Trình bày lại - Thuyết minh số 30) VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		399.543.193.180	409.989.712.329
310	I. Nợ ngắn hạn		399.543.193.180	409.989.712.329
313	1. Người mua trả tiền trước		149.125.000	116.625.000
314	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	302.372.244	207.685.311
315	3. Phải trả người lao động		335.613.641	4.470.641
316	4. Chi phí phải trả	16	703.879.753	123.522.721
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	17	1.042.881.280	5.826.660.535
320	6. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	18	394.972.233.525	401.559.274.504
321	7. Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		2.036.853.619	2.151.239.499
323	8. Quỹ khen thưởng và phúc lợi		234.118	234.118
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		85.091.368.434	81.287.166.836
410	I. Vốn chủ sở hữu		85.091.368.434	81.287.166.836
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	19	240.000.000.000	240.000.000.000
411a	- Cổ phiếu cổ đông có quyền biểu quyết		240.000.000.000	240.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		50.000.000.000	50.000.000.000
417	3. Quỹ dự phòng tài chính		1.047.890.198	1.047.890.198
420	4. Lỗ lũy kế		(205.956.521.764)	(209.760.723.362)
420a	- Lỗ lũy kế đến cuối kỳ trước		(209.760.723.362)	(210.406.194.285)
420b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		3.804.201.598	645.470.923
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		484.634.561.614	491.276.879.165

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

B01-CTCK

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	CHỈ TIÊU	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
006	1. Chứng khoán lưu ký	544.640.690.000	694.300.370.000
	<i>Trong đó:</i>		
007	1.1. Chứng khoán giao dịch	471.252.540.000	489.279.120.000
008	1.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	4.493.040.000	9.862.890.000
009	1.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	466.185.270.000	478.230.500.000
010	1.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	574.230.000	1.185.730.000
012	1.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	73.388.150.000	205.021.250.000
013	1.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	-	20.000
014	1.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	73.388.150.000	205.021.230.000
082	2. Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng	1.618.610.000	1.618.610.000


Nguyễn Thị Khánh Hòa
Người lập


Nguyễn Thị Lệ Tùng
Kế toán Trưởng




Nguyễn Trát Minh Phương
Quyền Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2015

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

B02-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại - Thuyết minh số 30) VND
01	1. Doanh thu		7.914.771.903	11.936.662.507
	<i>Trong đó:</i>			
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		1.523.634.845	2.506.940.444
01.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		2.005.824.810	4.274.424.573
01.5	Doanh thu hoạt động tư vấn		34.090.909	499.742.237
01.6	Doanh thu lưu ký chứng khoán		355.491.289	413.135.576
01.9	Doanh thu khác	20	3.995.730.050	4.242.419.677
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	216.000
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh		7.914.771.903	11.936.446.507
11	3. Chi phí hoạt động kinh doanh	21	15.072.059.097	5.581.960.059
20	4. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		(7.157.287.194)	6.354.486.448
25	5. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	(11.296.353.473)	6.052.730.578
30	6. (Lỗ)/Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		4.139.066.279	301.755.870
31	7. Thu nhập khác		118.417.319	383.542.273
32	8. Chi phí khác		453.282.000	39.827.220
40	9. Lợi nhuận khác		(334.864.681)	343.715.053
50	10. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		3.804.201.598	645.470.923
51	11. Chi phí thuế TNDN hiện hành	23.1	-	-
60	12. Lợi nhuận sau thuế TNDN		3.804.201.598	645.470.923
70	13. Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu	26	158,51	26,89
70	14. Lãi suy giảm trên mỗi cổ phiếu	26	158,51	26,89



Nguyễn Thị Khánh Hòa
Người lập



Nguyễn Thị Lệ Tùng
Kế toán Trưởng



Nguyễn Trát Minh Phương
Quyền Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2016

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

B03-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại - Thuyết minh số 30) VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		3.804.201.598	645.470.923
02	2. Điều chỉnh cho các khoản			
	- Khấu hao và hao mòn	21, 22	1.311.345.972	1.389.864.530
03	- Hoàn nhập các khoản dự phòng	21, 22	(64.872.262.071)	(17.999.442.574)
05	- Lỗ từ hoạt động đầu tư		33.930.379.175	9.081.559.642
06	- Chi phí lãi vay	21	8.303.333	1.612.500
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(25.818.031.993)	(6.880.934.979)
09	- Giảm các khoản phải thu		25.174.813.464	58.536.693.184
10	- Giảm/(tăng) đầu tư ngắn hạn		5.471.035.136	(44.192.059.241)
11	- Giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(10.541.206.082)	(45.574.084.259)
12	- Tăng chi phí trả trước		(1.778.766.219)	(108.384.586)
13	- Tiền lãi vay đã trả		(8.303.333)	(11.116.035.051)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	-
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(701.726.503)	(23.367.296)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(8.202.185.530)	(49.358.172.228)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(386.100.000)	(1.252.404.545)
22	2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		114.181.819	363.636.364
23	3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(16.130.000.000)	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		30.208.139.056	23.960.540.404
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		3.187.669.382	7.032.471.166
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		16.993.890.257	30.104.243.389

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

B03-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại - Thuyết minh số 30) VND
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		10.800.000.000	18.900.000.000
34	2. Tiền chi trả nợ gốc vay		(10.800.000.000)	(18.900.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	-
50	Lưu chuyển tiền thuần/(sử dụng vào) trong năm		8.791.704.727	(19.253.928.839)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	4	28.740.943.430	47.994.872.269
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	37.532.648.157	28.740.943.430



Nguyễn Thị Khánh Hòa
Người lập



Nguyễn Thị Lệ Tùng
Kế toán Trưởng



Nguyễn Trát Minh Phương
Quyền Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2016

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

B05-CTCK

VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số đầu năm		Số tăng/giảm				Số cuối năm	
		Năm trước	Năm nay	Năm trước		Năm nay		Năm trước	Năm nay
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
1. Vốn cổ phần	19	240.000.000.000	240.000.000.000	-	-	-	-	240.000.000.000	240.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		50.000.000.000	50.000.000.000	-	-	-	-	50.000.000.000	50.000.000.000
3. Quỹ dự phòng tài chính		1.047.890.198	1.047.890.198	-	-	-	-	1.047.890.198	1.047.890.198
4. Lỗ lũy kế		(210.406.194.285)	(209.760.723.362)	645.470.923	-	3.804.201.598	-	(209.760.723.362)	(205.956.521.764)
TỔNG CỘNG		80.641.695.913	81.287.166.836	645.470.923	-	3.804.201.598	-	81.287.166.836	85.091.368.434



Nguyễn Thị Khánh Hòa
Người lập



Nguyễn Thị Lệ Tùng
Kế toán Trưởng



Nguyễn Trát Minh Phương
Quyền Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2016

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005822 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 28 tháng 12 năm 2006, Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 49/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp vào ngày 29 tháng 12 năm 2006 và theo các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh sau:

<i>Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh số</i>	<i>Ngày</i>	<i>Nội dung thay đổi</i>
72/UBCK-GPĐCCTCK	06/09/2007	Tăng vốn điều lệ từ 60 tỷ đồng lên 120 tỷ đồng
100/UBCK-GPĐCCTCK	28/12/2007	Tăng vốn điều lệ từ 120 tỷ đồng lên 240 tỷ đồng
30/GPĐC-UBCK	14/11/2014	Thay đổi người đại diện pháp luật là ông Phan Vũ Tuấn
46/GPĐC-UBCK	20/10/2015	Đời trụ sở chính về Tầng 14, tòa nhà Green Power, số 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại tầng 14, tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty không có chi nhánh và phòng giao dịch.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 là: 28 người (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 29 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("đồng" hoặc "VND") phù hợp với chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 sửa đổi Thông tư 95/2008/TT-BTC và Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và các thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ và biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.1 *Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng (tiếp theo)*

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính này theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 sửa đổi Thông tư 95/2008/TT-BTC và Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Niên độ kế toán*

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh*

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, ngoại trừ một số thay đổi như sau:

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng đối với tất cả các doanh nghiệp hoạt động trong tất cả các lĩnh vực kinh tế có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015. Những thay đổi quan trọng theo Thông tư 200 bao gồm:

► Thuyết minh về thanh lý tài sản cố định:

Thu nhập khác và chi phí khác từ thanh lý tài sản cố định được trình bày bằng số thuần trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

► Thuyết minh bổ sung yêu cầu cho việc trình bày các báo cáo tài chính:

- Đầu tư tài chính: thuyết minh chi tiết cho các khoản đầu tư chiếm tỷ trọng từ 10% trở lên trong tổng số dư đầu tư.
- Các khoản phải thu: thuyết minh chi tiết các khoản phải thu chiếm tỷ trọng từ 10% trở lên trong tổng số dư phải thu.
- Nợ khó đòi: thuyết minh chi tiết thời gian, số tiền quá hạn, phạt vi phạm hợp đồng, lãi phạt chậm nộp và khả năng thu hồi của những khoản nợ quá hạn, nợ chưa quá hạn nhưng không có khả năng thu hồi chiếm tỷ trọng từ 10% trở lên trong tổng số dư nợ khó đòi.
- Nợ được xóa sổ: thuyết minh chi tiết theo nguyên tệ và VND các khoản nợ đã được xóa sổ trong vòng 10 năm và lý do xóa sổ.
- Xây dựng cơ bản dở dang: thuyết minh chi tiết các khoản xây dựng cơ bản dở dang chiếm tỷ trọng từ 10% trở lên trong tổng số dư xây dựng cơ bản dở dang.
- Các khoản phải trả: thuyết minh chi tiết các khoản phải trả chiếm tỷ trọng từ 10% trở lên trong tổng số dư phải trả theo nhà cung cấp và lý do quá hạn của những khoản phải trả quá hạn.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp: thuyết minh các khoản chi phí chiếm tỷ trọng từ 10% trở lên trong tổng chi phí quản lý doanh nghiệp.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Các chuẩn mực và quy định đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Ngày 30 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 210/2014/TT-BTC ("Thông tư 210") hướng dẫn Chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán phù hợp hơn với các Chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế.

Thông tư quy định các nội dung liên quan đến chứng từ kế toán, tài khoản kế toán và phương pháp kế toán, sổ kế toán, mẫu báo cáo tài chính, phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng đối với công ty chứng khoán. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 và thay thế Thông tư số 95/2008/TT-BTC ("Thông tư 95") ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính. Những thay đổi quan trọng trong Thông tư 210 bao gồm:

- ▶ Thay đổi trong hình thức của các báo cáo tài chính. Báo cáo thu nhập toàn diện, báo cáo lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động môi giới và vốn ủy thác của nhà đầu tư được trình bày riêng như một phần của các báo cáo tài chính cơ bản.
- ▶ Tài sản tài chính được phân thành bốn (4) loại là tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ, tài sản tài chính sẵn sàng để bán, tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản cho vay. Việc đo lường đối với mỗi loại tài sản tài chính như sau:
 - Tài sản tài chính thông qua lãi/lỗ được ghi nhận theo giá trị hợp lý;
 - Tài sản tài chính sẵn sàng để bán được ghi nhận theo giá trị hợp lý;
 - Tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá trị phân bổ theo phương pháp lãi suất hiệu dụng;
 - Các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ theo phương pháp lãi suất hiệu dụng;

Ngoài ra, các khoản cho vay được phân loại thành năm (5) nhóm và trích lập dự phòng cụ thể theo tỷ lệ dự phòng tương ứng cho từng nhóm.

3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Cho mục đích lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ, tiền và các khoản tương đương tiền không bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng đã quá hạn thanh toán (*Thuyết minh số 4*).

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào "*Chi phí quản lý doanh nghiệp*" trong năm.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Các khoản phải thu (tiếp theo)

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	5 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Phần mềm tin học	3 - 5 năm

3.8 Thuê tài sản

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời hạn của hợp đồng thuê.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ 12 đến 36 tháng vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- ▶ Chi phí cải tạo văn phòng
- ▶ Chi phí vật dụng văn phòng.

3.10 Đầu tư chứng khoán

Thông tư số 95/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2008 về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư 95/2008/TT-BTC cho phép các công ty chứng khoán thực hiện hạch toán kế toán các khoản đầu tư chứng khoán theo một trong hai nguyên tắc là giá gốc hoặc giá trị hợp lý. Theo đó, Công ty đã lựa chọn phương pháp giá gốc để ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán.

3.10.1 Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn

Đây là những khoản đầu tư vào những chứng khoán có thời hạn thu hồi không quá một năm hoặc mua vào, bán ra chứng khoán để kiếm lời. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá thực tế mua chứng khoán (giá gốc), bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng.

Lãi dự thu nhận được trong năm được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Các chứng khoán này được xem xét khả năng giảm giá tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Chứng khoán thương mại được lập dự phòng khi giá trị ghi sổ lớn hơn giá trị thị trường. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên khoản mục "Chi phí hoạt động kinh doanh".

3.10.2 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán chủ yếu là các chứng khoán vốn được xác định là sẵn sàng để bán mà không phải là các khoản đầu tư chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn hoặc là chứng khoán thương mại.

Các khoản đầu tư chứng khoán sẵn sàng để bán được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch liên quan trực tiếp đến việc mua. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu có bằng chứng khách quan cho thấy sự giảm giá trị chứng khoán.

3.11 Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn và dài hạn

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá trị thị trường tại ngày đó theo hướng dẫn của Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm.

Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn và dài hạn (tiếp theo)

Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng.

Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để trích lập dự phòng là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng.

Công ty không thực hiện trích lập dự phòng cho các chứng khoán không có đủ ba (03) báo giá hoặc không có giao dịch trong vòng một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng.

Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

Các chứng khoán khác mà không có báo giá thì được ghi nhận theo giá trị ghi sổ.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Lợi ích của nhân viên

3.13.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty đóng góp vào trợ cấp hưu trí này bằng việc đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 18% lương cơ bản hàng tháng của họ. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác về trợ cấp nghỉ hưu của nhân viên, ngoài nghĩa vụ đóng tiền cho Bảo hiểm Xã hội hàng tháng.

3.13.2 Bảo hiểm thất nghiệp

Theo quy định hiện hành, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm thất nghiệp.

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng mà không được ghi nhận là doanh thu.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

3.15 Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn cổ phiếu tự doanh.

3.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế TNDN hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế TNDN hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế TNDN hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

3.17 Các quỹ

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 như sau:

	<u>Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế</u>	<u>Mức trích lập tối đa</u>
Quỹ dự phòng tài chính	5%	10% vốn điều lệ

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông phù hợp với các quy định pháp lý có liên quan.

3.18 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch giá rẻ) có thể được chia cho các nhà đầu tư/cổ đông sau khi được các cấp có thẩm quyền/Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm VND</u>	<u>Số đầu năm (Trình bày lại - Thuyết minh số 30) VND</u>
Tiền mặt	3.223.178	5.476.309
Tiền gửi ngân hàng	402.557.191.454	394.436.680.617
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	14.972.233.525	14.298.786.504
<i>Trong đó: Tiền gửi của nhà đầu tư (Thuyết minh số 18)</i>	<u>11.675.585.000</u>	<u>14.298.786.504</u>
TỔNG CỘNG	<u>417.532.648.157</u>	<u>408.740.943.430</u>

Tiền gửi ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và 2014 bao gồm một số khoản tiền gửi đã quá hạn thanh toán là 380 tỷ đồng tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam từ năm 2011.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN (tiếp theo)

Các khoản tiền gửi này có liên quan đến vụ án Huỳnh Thị Huyền Như mà Ngân hàng TMCP Tiên Phong đã thực hiện gửi tiền tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam thông qua Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông, hiện đang được cơ quan chức năng điều tra, truy tố và xét xử lại. Ngày 7 tháng 1 năm 2015, Tòa án Nhân dân Tối cao đã tuyên Bản án Hình sự Phúc thẩm, theo đó, Hội đồng xét xử đã nhận định và đánh giá "Hành vi phạm tội của bị cáo Như có dấu hiệu của tội Tham ô tài sản" và hủy một phần bản án hình sự sơ thẩm đã xử bị cáo Huỳnh Thị Huyền Như tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông và giao hồ sơ vụ án cho Viện Kiểm sát nhân dân tối cao để chuyển cơ quan điều tra Bộ Công An điều tra, truy tố xét xử lại.

Theo các quy định của pháp luật hình sự và tố tụng hình sự đối với một vụ án đã được điều tra lại, việc xác định trách nhiệm và nghĩa vụ pháp lý của các bên liên quan chỉ được thực hiện khi vụ án đã được xét xử, có phán quyết cụ thể và bản án có hiệu lực. Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty đang chờ các bước điều tra, xét xử tiếp theo liên quan đến vụ án. Do đó, Công ty chưa tiến hành trích lập dự phòng cho các khoản tiền gửi này và tùy theo sự nhìn nhận của các bên liên quan mà sự việc này có thể làm ảnh hưởng đến một số chỉ tiêu trên các báo cáo tài chính.

Cho mục đích lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ, tiền và các khoản tương đương tiền không bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng đã quá hạn, chi tiết như sau:

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm (Trình bày lại - Thuyết minh số 30) VND</i>
Tiền và các khoản tương đương tiền trên bảng cân đối kế toán	417.532.648.157	408.740.943.430
Trừ: Các khoản tiền gửi ngân hàng đã quá hạn thanh toán	(380.000.000.000)	(380.000.000.000)
Tiền và các khoản tương đương tiền trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ	37.532.648.157	28.740.943.430

5. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

	<i>Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm (đơn vị)</i>	<i>Giá trị giao dịch thực hiện trong năm (VND)</i>
a. Của Công ty - Cổ phiếu	4.113.400	76.466.262.000
b. Của nhà đầu tư - Cổ phiếu	76.277.790	881.475.624.800
TỔNG CỘNG	80.391.190	957.941.886.800

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

6. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số lượng (đơn vị)	Giá trị theo sổ sách kế toán (VND)	So với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường (VND)
			Tăng (VND)	Giảm (VND)	
Đầu tư tài chính ngắn hạn	449.304	40.170.937.617	28.207.731	(493.248.748)	39.705.896.600
Cổ phiếu niêm yết	449.304	13.170.937.617	28.207.731	(493.248.748)	12.705.896.600
Tiền gửi có kỳ hạn	-	27.000.000.000	-	-	27.000.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	1.600.000	16.130.000.000		(4.030.000.000)	12.100.000.000
Cổ phiếu chưa niêm yết	1.600.000	16.130.000.000		(4.030.000.000)	12.100.000.000
TỔNG CỘNG	2.049.304	56.300.937.617	28.207.731	(4.523.248.748)	51.805.896.600

Tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá đầu tư tài chính:

	Cuối năm	Đầu năm
Dự phòng giảm giá đầu năm	46.960.510.819	62.832.100.910
Dự phòng trích lập trong năm (Thuyết minh số 21)	9.132.169.465	6.247.659.691
Hoàn nhập dự phòng trong năm (Thuyết minh số 21)	(51.569.431.536)	(22.119.249.782)
Dự phòng giảm giá cuối năm	4.523.248.748	46.960.510.819

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

6. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Chi tiết các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm cuối năm như sau:

Chỉ tiêu	Số lượng		Giá gốc		Tăng so với giá thị trường		Giảm so với giá thị trường		Tổng giá trị thị trường		VND
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	
	Chứng khoán thương mại	449.304	355.699	13.170.937.617	7.641.972.753	28.207.731	5.848.310	(493.248.748)	(1.184.086.164)	12.705.896.600	6.463.734.899
Cổ phiếu niêm yết	449.304	295.703	13.170.937.617	6.953.051.782	28.207.731	1.687.210	(493.248.748)	(885.980.093)	12.705.896.600	6.068.758.899	
Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu Khí Việt Nam (PVB)	321.000	-	9.368.160.000	-	-	-	(380.160.000)	-	8.988.000.000	-	
Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền (BFC)	73.190	-	1.948.970.000	-	27.160.000	-	-	-	1.976.130.000	-	
Công ty Cổ phần Trang (TFC)	54.000	-	1.837.780.000	-	-	-	(104.380.000)	-	1.733.400.000	-	
Công ty Cổ phần Vận tải Biển và Bất động sản Việt Hải (VSP)	630	630	7.018.000	7.018.000	-	-	(6.451.000)	(5.884.000)	567.000	1.134.000	
Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh (QNC)	124	124	1.713.500	1.713.500	-	-	(1.019.100)	(684.300)	694.400	1.029.200	
Công ty Cổ phần Sông Đà 7 (SD7)	89	89	1.400.267	1.400.267	-	-	(545.867)	(385.668)	854.400	1.014.599	
Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao Su Miền Nam (CSM)	42	1	1.296.042	34.142	-	8.858	(258.642)	-	1.037.400	43.000	
Cổ phiếu khác	229	294.859	4.599.808	6.942.885.873	1.047.731	1.678.352	(434.139)	(879.026.125)	5.213.400	6.065.538.100	
Cổ phiếu chưa niêm yết	-	59.996	-	688.920.971	-	4.161.100	-	(298.106.071)	-	394.976.000	
Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Trang trí Nội thất Thành phố Hồ Chí Minh	-	10.000	-	259.165.167	-	-	-	(179.165.167)	-	80.000.000	
Công ty Cổ phần Dệt may Thành phố Hồ Chí Minh	-	5.000	-	35.838.900	-	4.161.100	-	-	-	40.000.000	
Công ty Cổ phần nhựa Sài Gòn	-	39.996	-	358.078.004	-	-	-	(118.102.004)	-	239.976.000	
Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam Vinaplast	-	5.000	-	35.838.900	-	-	-	(838.900)	-	35.000.000	
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng tại	-	-	27.000.000.000	38.000.000.000	-	-	-	-	27.000.000.000	38.000.000.000	
Ngân hàng TMCP Bản Việt	-	-	12.000.000.000	20.000.000.000	-	-	-	-	12.000.000.000	20.000.000.000	
Ngân hàng TMCP Phương Đông	-	-	7.000.000.000	17.000.000.000	-	-	-	-	7.000.000.000	17.000.000.000	
Quỹ tín dụng Nhân dân Đồng Sài Gòn	-	-	4.000.000.000	1.000.000.000	-	-	-	-	4.000.000.000	1.000.000.000	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	-	3.000.000.000	-	-	-	-	-	3.000.000.000	-	
Quỹ tín dụng Nhân dân Tây Sài Gòn	-	-	1.000.000.000	-	-	-	-	-	1.000.000.000	-	
TỔNG CỘNG	449.304	355.699	40.170.937.617	45.641.972.753	28.207.731	5.848.310	(493.248.748)	(1.184.086.164)	39.705.896.600	44.463.734.899	

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

6. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Chi tiết các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm cuối năm như sau (tiếp theo):

Chỉ tiêu	Số lượng		Giá gốc		Tăng so với giá thị trường		Giảm so với giá thị trường		Tổng giá trị thị trường		VND
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	
	Chứng khoán sẵn sàng để bán										
Cổ phiếu chưa niêm yết	1.600.000	3.144.447	16.130.000.000	68.562.171.856	-	-	(4.030.000.000)	(45.776.424.655)	12.100.000.000	22.785.747.201	
Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam	-	90.000	-	2.665.170.000	-	-	-	-	-	2.665.170.000	
Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình	-	300.000	-	6.000.000.000	-	-	-	(4.740.000.000)	-	1.260.000.000	
Công ty Cổ phần Thép Biên Hòa	-	269.400	-	8.136.977.556	-	-	-	(7.221.017.555)	-	915.960.001	
Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Tân Nghĩa	-	18.619	-	2.524.736.400	-	-	-	(2.301.308.400)	-	223.428.000	
Công ty Cổ phần Thiết kế Xây dựng số 1	-	12.567	-	1.735.502.700	-	-	-	(1.609.832.700)	-	125.670.000	
Ngân hàng TMCP Phương Đông	-	2.439.961	-	44.029.785.200	-	-	-	(26.462.066.000)	-	17.567.719.200	
Công ty Bảo hiểm Viễn Đông	-	13.900	-	3.470.000.000	-	-	-	(3.442.200.000)	-	27.800.000	
Công ty Cổ phần Ô tô Vĩnh Long	300.000	-	3.000.000.000	-	-	-	-	-	3.000.000.000	-	
Công ty Cổ phần Xuất khẩu Lao động và Chuyên gia	1.300.000	-	13.130.000.000	-	-	-	(4.030.000.000)	-	9.100.000.000	-	
TỔNG CỘNG	1.600.000	3.144.447	16.130.000.000	68.562.171.856	-	-	(4.030.000.000)	(45.776.424.655)	12.100.000.000	22.785.747.201	

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

7.1 Các khoản phải thu ngắn hạn

VND

Chỉ tiêu	Số đầu năm (Trình bày lại - Thuyết minh số 30)			Số phát sinh trong năm		Số cuối năm			Dự phòng đã trích lập
	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	
1. Trả trước cho người bán	32.890.000	-	-	7.660.676.975	(7.368.855.799)	324.711.176	-	-	-
2. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	3.329.392.770	-	-	204.334.976.019	(202.467.198.768)	5.197.170.021	-	-	-
- Phải thu dịch vụ ứng trước cho nhà đầu tư (i)	3.311.498.003	-	-	180.976.211.578	(182.806.732.474)	1.480.977.107	-	-	-
- Phải thu Trung tâm Lưu ký về thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	17.894.767	-	-	23.358.764.441	(19.660.466.294)	3.716.192.914	-	-	-
3. Các khoản phải thu khác	87.443.651.332	82.347.995.056	82.347.995.056	14.697.148.793	(56.523.283.135)	45.617.516.990	44.201.336.024	44.201.336.024	44.201.336.024
- Các hợp đồng mua và cam kết bán lại cổ phiếu (ii)	39.996.410.640	39.996.410.640	39.996.410.640	61.700.000	(34.425.837.840)	5.632.272.800	5.632.272.800	5.632.272.800	5.632.272.800
- Các hợp đồng hỗ trợ thanh toán (iii)	37.998.255.448	37.998.255.448	37.998.255.448	-	-	37.998.255.448	37.998.255.448	37.998.255.448	37.998.255.448
- Lãi tiền gửi ngân hàng	420.684.594	-	-	3.266.168.105	(2.338.052.700)	1.348.799.999	-	-	-
- Tiền đặt cọc theo các hợp đồng môi giới chứng khoán	3.782.521.192	3.782.521.192	3.782.521.192	-	(3.782.521.192)	-	-	-	-
- Dịch vụ quản lý tài sản khách hàng	4.578.047.308	-	-	10.779.080.565	(15.357.127.873)	-	-	-	-
- Các khoản phải thu ngắn hạn khác	667.732.150	570.807.776	570.807.776	590.200.123	(619.743.530)	638.188.743	570.807.776	570.807.776	570.807.776
TỔNG CỘNG	90.805.934.102	82.347.995.056	82.347.995.056	226.692.801.787	(266.359.337.702)	51.139.398.187	44.201.336.024	44.201.336.024	44.201.336.024

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN (tiếp theo)

7.1 Các khoản phải thu ngắn hạn (tiếp theo)

- (i) Đây là khoản tiền Công ty tạm ứng trước cho nhà đầu tư tại ngày nhận được thông báo khớp lệnh bán chứng khoán với mức lãi suất là 0,04%/ngày tính trên số tiền ứng trước tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2015.
- (ii) Đây là các khoản phải thu theo các hợp đồng giao dịch mua và cam kết bán lại cổ phiếu đã phát sinh và quá hạn từ các năm trước. Công ty đã trích lập dự phòng 100% các khoản phải thu này do không có khả năng thu hồi.
- (iii) Đây là các khoản phải thu theo các hợp đồng hỗ trợ thanh toán phát sinh từ các năm trước được đảm bảo bằng danh mục chứng khoán của nhà đầu tư. Công ty đã trích lập dự phòng 100% đối với các khoản phải thu này do không có khả năng thu hồi.

7.2 Nợ quá hạn

Đối tượng	Thời gian quá hạn	Cuối năm		Đầu năm		VND
		Nợ gốc	Giá trị có thể thu hồi	Nợ gốc	Giá trị có thể thu hồi	
Phải thu theo các hợp đồng mua và cam kết bán lại cổ phiếu		5.632.272.800	-	39.996.410.640	-	
<i>Các cá nhân</i>	<i>Từ 1 đến 5 năm</i>	5.632.272.800	-	24.128.181.121	-	
<i>Công ty Cổ phần Tân Phú Thọ</i>	<i>Từ 1 đến 5 năm</i>	-	-	15.868.229.519	-	
Phải thu các cá nhân theo các hợp đồng hỗ trợ thanh toán	<i>Từ 1 đến 5 năm</i>	37.998.255.447	-	37.998.255.447	-	
Phải thu tiền đặt cọc theo các hợp đồng môi giới chứng khoán		-	-	3.782.521.192	-	
<i>Công ty Cổ phần Chứng khoán Công nghiệp Việt Nam</i>	<i>Từ 1 đến 5 năm</i>	-	-	3.782.521.192	-	
Phải thu ngắn hạn khác		570.807.777	-	570.807.777	-	
<i>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam</i>	<i>Từ 1 đến 5 năm</i>	529.277.777	-	529.277.777	-	
<i>Tổ chức khác</i>	<i>Từ 1 đến 5 năm</i>	41.530.000	-	41.530.000	-	
TỔNG CỘNG		44.201.336.024	-	82.347.995.056	-	

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN (tiếp theo)

7.3 Tình hình trích lập các khoản phải thu khó đòi

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số dư đầu năm	82.347.995.056	84.513.640.979
Số hoàn nhập trong năm (Thuyết minh số 22)	(22.435.000.000)	(2.127.852.483)
Số dự phòng xử lý rủi ro	(15.711.659.032)	(37.793.440)
Số dư cuối năm	44.201.336.024	82.347.995.056

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuê đường truyền dẫn	125.372.962	84.720.000
Chi phí mua bảo hiểm tài sản	10.951.047	11.007.886
Chi phí thuê kho	-	6.000.000
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	17.556.566	96.883.334
Số dư cuối năm	153.880.575	198.611.220

Thay đổi trong chi phí trả trước ngắn hạn trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số dư đầu năm	198.611.220	6.000.000
Tăng trong năm	2.743.847.451	2.071.069.972
Phân bổ trong năm	(2.788.578.096)	(1.878.458.752)
Số dư cuối năm	153.880.575	198.611.220

9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

Đây là các khoản tạm ứng cho nhân viên phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc VND</i>	<i>Máy móc thiết bị VND</i>	<i>Phương tiện vận tải VND</i>	<i>Tổng cộng VND</i>
Nguyên giá:				
Số dư đầu năm	66.260.000	6.206.327.743	940.454.545	7.213.042.288
Tăng trong năm	-	386.100.000	-	386.100.000
Giảm trong năm	(66.260.000)	(2.661.397.993)	-	(2.727.657.993)
Số dư cuối năm	-	3.931.029.750	940.454.545	4.871.484.295
Giá trị hao mòn:				
Số dư đầu năm	66.260.000	5.941.076.354	39.185.606	6.046.521.960
Tăng trong năm	-	128.114.583	156.742.424	284.857.007
Giảm trong năm	(66.260.000)	(2.661.397.993)	-	(2.727.657.993)
Số dư cuối năm	-	3.407.792.944	195.928.030	3.603.720.974
Giá trị còn lại:				
Số dư đầu năm	-	265.251.389	901.268.939	1.166.520.328
Số dư cuối năm	-	523.236.806	744.526.515	1.267.763.321

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 3.232.979.750 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 5.960.637.743 VND)

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Phần mềm tin học VND</i>
Nguyên giá:	
Số dư đầu năm	7.488.985.064
Xóa sổ	(475.967.500)
Số dư cuối năm	7.013.017.564
Giá trị hao mòn:	
Số dư đầu năm	5.700.380.899
Tăng trong năm	1.026.488.965
Xóa sổ	(475.967.500)
Số dư cuối năm	6.250.902.364
Giá trị còn lại:	
Số dư đầu năm	1.788.604.165
Số dư cuối năm	762.115.200

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 4.080.241.564 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 1.189.469.550 VND)

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<i>Cuối năm VND</i>	<i>Đầu năm VND</i>
Chi phí cải tạo văn phòng	1.244.433.307	-
Chi phí vật dụng văn phòng	606.761.642	18.423.611
Chi phí khác	12.486.007	21.760.481
TỔNG CỘNG	1.863.680.956	40.184.092

Thay đổi trong chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau:

	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Số dư đầu năm	40.184.092	124.410.726
Tăng trong năm	2.007.369.295	18.950.000
Phân bổ trong năm	(183.872.431)	(103.176.634)
Số dư cuối năm	1.863.680.956	40.184.092

13. TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Tiền nợ quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán.

Theo Quyết định số 45/QĐ-VSD ngày 22 tháng 5 năm 2014 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu đồng và hàng năm phải đóng thêm 0,01% trên giá trị giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết và đăng ký giao dịch tại các Sở giao dịch Chứng khoán được thanh toán qua thành viên lưu ký của năm liền trước, nhưng không quá 2.500 triệu đồng/năm với giới hạn tối đa về mức đóng góp là 20 tỷ đồng.

Biến động tiền nợ quỹ hỗ trợ thanh toán như sau:

	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Số dư đầu năm	3.373.838.094	3.035.139.140
Lãi nhận được trong năm trong năm	193.687.019	338.698.954
Số dư cuối năm	3.567.525.113	3.373.838.094

14. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

Đây là khoản tiền đặt cọc thuê văn phòng hoạt động của Công ty.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chỉ tiêu	Số dư đầu năm VND	Số phát sinh trong năm		Số dư cuối năm VND
		Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	
Thuế thu nhập cá nhân nộp hộ nhà đầu tư	165.151.610	448.863.444	(488.294.107)	125.720.947
Thuế thu nhập cá nhân của nhân viên	40.715.519	349.818.154	(225.300.557)	165.233.116
Thuế giá trị gia tăng	1.818.182	16.081.817	(6.481.818)	11.418.181
Thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
TỔNG CỘNG	207.685.311	817.763.415	(723.076.482)	302.372.244

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Phí dịch vụ chuyên môn	275.000.000	27.272.721
Thù lao Hội đồng quản trị (Thuyết minh số 24)	134.224.333	-
Phúc lợi nhân viên	142.282.000	-
Phí dịch vụ thuê ngoài	72.480.212	26.250.000
Phí môi giới	52.200.000	70.000.000
Chi phí phải trả khác	27.693.208	-
TỔNG CỘNG	703.879.753	123.522.721

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	Cuối năm VND	Đầu năm (Trình bày lại - Thuyết minh số 30) VND
Kinh phí công đoàn	-	13.297.500
Bảo hiểm xã hội	-	8.471.800
Bảo hiểm y tế	-	633.600
Bảo hiểm thất nghiệp	-	316.600
Phải trả cá nhân theo hợp đồng ủy thác	-	4.750.000.000
Phải trả tiền đặt cọc ủy thác đầu thầu	7.170.000	-
Phải trả cổ tức cho cổ đông	19.412.500	19.412.500
Phải trả khác	1.016.298.780	1.034.528.535
TỔNG CỘNG	1.042.881.280	5.826.660.535

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

18. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	Cuối năm VND	Đầu năm (Trình bày lại - Thuyết minh số 30) VND
Tiền gửi của nhà đầu tư (Thuyết minh số 4)	11.675.585.000	14.298.786.504
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán với trung tâm Lưu ký Chứng khoán	3.296.648.525	7.260.488.000
Tiền đặt cọc môi giới mua trái phiếu (*)	380.000.000.000	380.000.000.000
TỔNG CỘNG	394.972.233.525	401.559.274.504

(*) Đây là khoản tiền nhận từ Ngân hàng TMCP Tiên Phong trong các năm trước để thực hiện các hợp đồng môi giới mua trái phiếu và có liên quan đến khoản tiền gửi đã quá hạn thanh toán của Công ty tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (xem thêm thông tin ở Thuyết minh số 4).

19. VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Số lượng cổ phiếu đăng ký được cấp phép và đã phát hành như sau:

	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	24.000.000	24.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	24.000.000	24.000.000
<i>Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ</i>		
Cổ phiếu phổ thông	24.000.000	24.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	24.000.000	24.000.000

20. DOANH THU KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu lãi tiền gửi ngân hàng	3.939.839.006	4.170.213.600
Doanh thu hoạt động ứng trước cho nhà đầu tư	38.053.100	49.908.260
Doanh thu hoạt động quản lý cổ đông	5.292.489	12.116.000
Doanh thu khác	12.545.455	10.181.817
TỔNG CỘNG	3.995.730.050	4.242.419.677

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

21. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại - Thuyết minh số 30) VND
Chi phí nhân viên	1.827.372.898	1.499.898.117
Chi phí thuê đường truyền dẫn	1.003.784.098	973.618.243
Chi phí môi giới chứng khoán	297.174.836	444.239.472
Chi phí thuê văn phòng	572.388.826	372.033.245
Chi phí khấu hao tài sản cố định	424.085.937	463.845.943
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán	53.063.517.702	17.131.502.728
Chi phí lưu ký chứng khoán	309.575.198	426.172.055
Chi phí tài chính	8.303.333	1.612.500
Chi phí tư vấn	-	77.240.853
Chi phí khác	3.118.340	63.386.994
Chi phí dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Thuyết minh số 6)	9.132.169.465	6.247.659.691
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Thuyết minh số 6)	(51.569.431.536)	(22.119.249.782)
TỔNG CỘNG	15.072.059.097	5.581.960.059

22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại - Thuyết minh số 30) VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.853.207.118	3.754.987.205
Chi phí khấu hao tài sản cố định	887.260.035	926.018.587
Chi phí thuê văn phòng	1.123.109.010	742.875.846
Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng	398.802.698	308.344.716
Thuế, phí và lệ phí	269.364.136	447.002.629
Chi phí tiếp khách	278.260.067	359.383.062
Chi phí kiểm toán, tư vấn, bảo hành phần mềm	1.035.287.734	736.224.547
Chi phí xử lý nợ	1.079.000.000	-
Chi phí khác bằng tiền	1.214.355.729	905.746.469
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi (Thuyết minh số 7.3)	(22.435.000.000)	(2.127.852.483)
TỔNG CỘNG	(11.296.353.473)	6.052.730.578

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

23.1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế Thu nhập Doanh nghiệp ("TNDN") với mức thuế suất là 20% lợi nhuận tính thuế trong kỳ.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

23.1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty được trình bày dưới đây:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận thuần trước thuế	3.804.201.598	645.470.923
Cộng:		
- Chi phí không được khấu trừ	362.500.000	159.631.675
Lợi nhuận điều chỉnh trước thuế chưa cần trừ lỗ năm trước	4.166.701.598	805.102.598
Lỗ năm trước chuyển sang	(4.166.701.598)	(805.102.598)
Thu nhập chịu thuế ước tính	-	-
Chi phí thuế TNDN	-	-
Thuế TNDN đã trả trong năm	-	-
Thuế TNDN phải trả cuối năm	-	-

23.2 Chuyển lỗ

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế	Đã chuyển lỗ đến ngày 31/12/2015	Chưa chuyển lỗ tại ngày 31/12/2015
2011	2016	32.653.225.297	(5.339.663.332)	27.313.561.965
2013	2018	117.007.801.565		117.007.801.565
TỔNG CỘNG		149.661.026.862	(5.339.663.332)	144.321.363.530

Số lỗ tính thuế từ năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 chưa được kiểm tra và quyết toán bởi cơ quan thuế.

23.3 Thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Không có khoản thuế thu nhập hoãn lại nào được ghi nhận tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 do Công ty không thể dự tính được là sẽ có đủ lợi nhuận trong tương lai để sử dụng tài sản thuế thu nhập hoãn lại này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận trên báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 28.864.272.706 đồng, chủ yếu phát sinh từ số lỗ tính thuế mang sang các năm sau.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc	Bên liên quan	Thu nhập	1.620.203.221	1.202.138.700

Số dư với các bên liên quan tại thời điểm cuối năm như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i> <i>Phải thu/(phải trả)</i>	
			<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Diệp Trí Minh	Nguyên Tổng giám đốc	Phải thu dịch vụ quản lý tài sản khách hàng	-	1.658.584.928
Hội đồng quản trị	Bên liên quan	Thù lao	(134.224.333)	-

25. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê các văn phòng cho trụ sở chính theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Cuối năm VND</i>	<i>Đầu năm VND</i>
Đến 1 năm	1.932.618.240	15.000.000
Từ 1 đến 5 năm	3.227.030.400	-
TỔNG CỘNG	5.159.648.640	15.000.000

26. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

26. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU (tiếp theo)

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu.

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông - VND	3.804.201.598	645.470.923
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	24.000.000	24.000.000
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu - VND	158,51	26,89
Lãi suy giảm trên mỗi cổ phiếu - VND	158,51	26,89

27. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công ty thực hiện khung quản lý rủi ro toàn diện như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và đầu tư sẵn sàng để bán.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 vì đa phần các khoản tiền gửi ngân hàng này có lãi suất cố định.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

27. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá ngoại tệ hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty (khi doanh thu và chi phí được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán hạch toán của Công ty).

Công ty không chịu rủi ro ngoại tệ do toàn bộ giao dịch trong năm của Công ty được thực hiện bằng đồng Việt Nam.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Công ty là 12.705.896.600 đồng. Sự tăng (hoặc giảm) 10% của chỉ số chứng khoán có thể làm tăng (hoặc giảm) một tỷ lệ tương ứng trên lợi nhuận/ (lỗ) từ hoạt động đầu tư của Công ty, tùy thuộc vào mức độ trọng yếu và kéo dài của sự suy giảm, và tùy thuộc vào trạng thái nắm giữ của danh mục đối với những cổ phiếu có ảnh hưởng đáng kể tới chỉ số của thị trường.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và thành lập một bộ phận kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng từ số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận nguồn vốn của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong *Thuyết minh số 4*. Ngoại trừ một số khoản tiền gửi đã quá hạn thanh toán là 380 tỷ tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam phát sinh từ năm 2011, Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.



Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

27. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng:

	<i>Bất cứ thời điểm nào</i>	<i>Dưới 1 năm</i>	<i>Tổng cộng VND</i>
Số dư cuối năm			
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	391.675.585.000	3.296.648.525	394.972.233.525
Chi phí phải trả	-	703.879.753	703.879.753
Phải trả ngắn hạn khác	1.000.000.000	2.079.734.899	3.079.734.899
	392.675.585.000	6.080.263.177	398.755.848.177
Số dư đầu năm			
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	394.298.786.504	7.260.488.000	401.559.274.504
Chi phí phải trả	-	123.522.721	123.522.721
Phải trả ngắn hạn khác	1.000.000.000	6.977.900.034	7.977.900.034
	395.298.786.504	14.361.910.755	409.660.697.259

Ngoại trừ khoản tiền đặt cọc môi giới mua chứng khoán nhận từ Ngân hàng TMCP Tiên Phong phát sinh trong các năm trước đây và liên quan đến khoản tiền gửi đã quá hạn thanh toán là 380 tỷ đồng hiện đang được cơ quan chức năng điều tra và xét xử lại, Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay ngân hàng để phục vụ cho hoạt động kinh doanh.

Tài sản đảm bảo

Công ty có giữ các khoản chứng khoán như tài sản cầm cố của khách hàng cho các khoản phải thu khách hàng vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

28. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

28.1 Thông tin báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Ban Tổng Giám đốc tập trung việc quản lý và đánh giá hiệu quả hoạt động trên khía cạnh toàn Công ty và chưa tiến hành xem xét và đánh giá theo từng bộ phận kinh doanh do đó Ban Tổng Giám đốc quyết định không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và trình bày thông tin này.

28.2 Thông tin báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

29. THUYẾT MINH BỔ SUNG THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Phần bên dưới trình bày các thuyết minh bổ sung theo yêu cầu của Thông tư số 210/2009/TT-BTC đối với các công cụ tài chính:

Tài sản tài chính

Các tài sản tài chính của Công ty theo phạm vi của Thông tư số 210/2009/TT-BTC bao gồm tiền mặt, các khoản tiền gửi tại các tổ chức tín dụng, các khoản chứng khoán kinh doanh, chứng khoán đầu tư, các phải thu và các tài sản theo các hợp đồng phái sinh tiền tệ.

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành một trong các loại sau:

- *Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:*

Là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - ✓ Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn; hoặc
 - ✓ Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn.
- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, đơn vị xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:*

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà đơn vị có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- a) Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- b) Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; hoặc
- c) Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

29. THUYẾT MINH BỔ SUNG THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

▪ Các khoản cho vay và phải thu:

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- a) Các khoản mà đơn vị có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được đơn vị xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- b) Các khoản được đơn vị xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- c) Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

▪ Tài sản sẵn sàng để bán:

Là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- a) Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- b) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- c) Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty theo phạm vi của Thông tư số 210/2009/TT-BTC bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả và các khoản nợ phải trả theo các hợp đồng phái sinh tiền tệ.

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC, nợ phải trả tài chính, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành:

▪ Các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - ✓ Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn; hoặc
 - ✓ Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn.
- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, đơn vị xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

▪ Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

29. THUYẾT MINH BỔ SUNG THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày so sánh giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty:

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý		VND
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm	
	Nguyên giá	Dự phòng	Nguyên giá	Dự phòng			
Tài sản tài chính							
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh							
- Chứng khoán thương mại							
Cổ phiếu niêm yết	13.170.937.617	(493.248.748)	6.953.051.782	(885.980.093)	12.705.896.600	6.463.734.899	
Cổ phiếu chưa niêm yết	-	-	688.920.971	(298.106.071)	-	390.814.900	
- Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn							
Tiền gửi ngắn hạn	27.000.000.000	-	38.000.000.000	-	27.000.000.000	38.000.000.000	
Phải thu khác	51.139.398.187	(44.201.336.024)	90.805.934.102	(82.347.995.056)	(*)	(*)	
Các khoản đầu tư tài chính sẵn sàng để bán							
Cổ phiếu chưa niêm yết	16.130.000.000	(4.030.000.000)	68.562.171.856	(45.776.424.655)	12.100.000.000	22.785.747.201	
Tiền và các khoản tương đương tiền	417.532.648.157	-	408.740.943.430	-	(*)	(*)	
Tổng cộng	524.972.983.961	(48.724.584.772)	613.751.022.141	(129.308.505.875)			
Nợ phải trả tài chính							
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	394.972.233.525	-	401.559.274.504	-	(*)	(*)	
Chi phí phải trả	427.373.420	-	123.522.721	-	(*)	(*)	
Phải trả ngắn hạn khác	3.079.734.899	-	7.955.180.534	-	(*)	(*)	
Tổng cộng	398.479.341.844	-	409.637.977.759	-			

(*) Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính này là không thể xác định được do Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc tính toán giá trị hợp lý.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

29. THUYẾT MINH BỔ SUNG THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- ▶ Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- ▶ Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư chứng khoán là giá niêm yết và giao dịch trên sàn Upcom tại ngày lập báo cáo tài chính.

30. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một số dữ liệu tương ứng trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại cho phù hợp với các chuẩn mực kế toán, các qui định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán. Chi tiết như sau:

Trích từ Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014:

	<i>Thuyết minh</i>	<i>Số liệu đã báo cáo VND</i>	<i>Phân loại lại VND</i>	<i>Số liệu trình bày lại VND</i>
Tiền và các khoản tương đương tiền	(i)	446.740.943.430	(38.000.000.000)	408.740.943.430
Đầu tư tài chính ngắn hạn	(i)	7.641.972.753	38.000.000.000	45.641.972.753
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	(ii)	11.936.553.528	(11.936.553.528)	-
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	(ii)	17.894.767	3.311.498.003	3.329.392.770
Phải thu ngắn hạn khác	(ii)	78.818.595.807	8.625.055.525	87.443.651.332
<i>Ảnh hưởng đối với tổng tài sản</i>			<u>-</u>	
Phải trả ngắn hạn khác	(iii)	27.360.887.539	(21.534.227.004)	5.826.660.535
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	(iii)	380.005.635.000	21.553.639.504	401.559.274.504
Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	(iii)	2.170.651.999	(19.412.500)	2.151.239.499
<i>Ảnh hưởng đối với nợ phải trả và vốn chủ sở hữu</i>			<u>-</u>	

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

30. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG (tiếp theo)

Trích từ báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại ngày 31 tháng 12 năm 2014:

<i>Thuyết minh</i>	<i>Số liệu đã báo cáo VND</i>	<i>Phân loại lại VND</i>	<i>Số liệu trình bày lại VND</i>
Chi phí hoạt động kinh doanh	(iv) 4.043.121.207	1.538.838.852	5.581.960.059
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(iv) 7.591.569.430	<u>(1.538.838.852)</u>	6.052.730.578
Ảnh hưởng đối với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh		<u>-</u>	

- (i) Phân loại lại các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng trên 3 tháng sang khoản mục đầu tư tài chính ngắn hạn.
- (ii) Phân loại các khoản phải thu dịch vụ ứng trước cho nhà đầu tư sang khoản mục phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán và các khoản phải thu khác quá hạn sang khoản mục phải thu ngắn hạn khác.
- (iii) Phân loại tiền gửi của nhà đầu tư sang khoản mục phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và các khoản phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu sang khoản mục phải trả ngắn hạn khác.
- (iv) Phân loại lại chi phí khấu hao, chi phí lương, chi phí thuê văn phòng và chi phí thuê đường truyền dẫn liên quan đến hoạt động kinh doanh và hoạt động quản lý của Công ty.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

30. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG (tiếp theo)

Trích từ báo cáo lưu chuyển tiền tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014:

	Số liệu đã báo cáo VND	Phân loại lại VND	Số liệu trình bày lại VND
Hoàn nhập các khoản dự phòng	(18.037.236.014)	37.793.440	(17.999.442.574)
Lỗ từ hoạt động đầu tư	(7.694.979.264)	16.776.538.906	9.081.559.642
Chi phí lãi vay	21.056.944	(19.444.444)	1.612.500
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	(23.675.822.881)	16.794.887.902	(6.880.934.979)
Giảm các khoản phải thu	58.151.558.670	385.134.514	58.536.693.184
Giảm/(tăng) các khoản đầu tư ngắn hạn	-	(44.192.059.241)	(44.192.059.241)
Giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	(47.372.715.149)	1.798.630.890	(45.574.084.259)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	1.958.293.542.312	(1.958.293.542.312)	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(1.956.453.494.162)	1.956.430.126.866	(23.367.296)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(22.281.350.847)	(27.076.821.381)	(49.358.172.228)
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(18.618.506.600)	18.618.506.600	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	53.163.526.669	(29.202.986.265)	23.960.540.404
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	7.371.170.120	(338.698.954)	7.032.471.166
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	41.027.422.008	(10.923.178.619)	30.104.243.389
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	18.746.071.161	(38.000.000.000)	(19.253.928.839)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	427.994.872.269	(380.000.000.000)	47.994.872.269
Tiền và tương đương tiền cuối năm	446.740.943.430	(418.000.000.000)	28.740.943.430

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

31. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có các sự kiện khác phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.



Nguyễn Thị Khánh Hòa
Người lập



Nguyễn Thị Lệ Tùng
Kế toán Trưởng



Nguyễn Trát Minh Phương
Quyền Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2016